TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23-03-2023
V/V "Ly hôn giữa ông S với bà M, nuôi con chung".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Ngọc Dình.

Ông Võ Văn Long.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 23 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 271/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HN ngày 10 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn S. Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Bà Văn Thị Tuyết M. Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện Thành, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26-10-2022 và trong quá trình xét xử, ông Trần Văn S là nguyên đơn trình bày: Ông và bà Văn Thị Tuyết M chung sống với nhau từ năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dương Xuân Hội. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông và bà M không sống chung với nhau từ tháng 10 năm 2022 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà M.

Tại phiên tòa ông Sang trình bày: Bà M hiện đang có người đàn ông khác bên ngoài.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Văn H, sinh ngày 01/10/2021. Hiện con chung đang sống với ông, ông yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi, bà M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Văn Thị Tuyết M là bị đơn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Ông S yêu cầu ly hôn với bà Mai được quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành. Bà M vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy hôn nhân giữa ông S và bà M có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà ông S vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà M. Xét thấy tình nghĩa vợ chồng giữa ông S và bà M không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông S yêu cầu ly hôn với bà M, bà M không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng (vắng mặt không có lý do) điều đó chứng tỏ bà M cũng không còn quan tâm gì đối với cuộc sống hôn nhân của chính mình theo quy định tại các điều 19, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông S đối với bà M.

[4] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Văn H, sinh ngày 01/10/2021 con chung đang sống với ông S. Khi ly hôn ông S yêu cầu tiếp tục nuôi con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi, bà M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét cháu H hiện đang sống cùng với ông S từ trước cho đến nay, cũng đã ổn định về mọi mặt để giữ ổn định về mọi mặt cũng như điều kiện chăm sóc con chung nên cần giữ nguyên hiện trạng nuôi con của ông S là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: Ông S cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Ông S cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Ông S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 09, 19, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Trần Văn S ly hôn với bà Văn Thị Tuyết M.

2. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Văn H, sinh ngày 01/10/2021. Giao con chung tên Trần Văn H cho ông S tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi (hiện do ông S nuôi dưỡng), bà M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Không ai được lợi dụng việc thăm nom con hoặc việc trực tiếp nuôi con để cản trở việc nuôi con hoặc việc thăm nom con, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bên còn lại. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về án phí: Ông S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà ông Sang đã nộp theo biên lai thu số 0006451 ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

4. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự.
- UBND xã Dương Xuân Hội;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Nguyễn Bảo Trí